

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: <i>Chi nhánh Tổng công ty Điện lực TP.HCM TNHH - Công ty Điện lực Thủ Đức - Địa chỉ: 647 Tỉnh lộ 43, phường Tam Bình, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh số điện thoại: 028.22180211; email: DLTD@hcmptc.com.vn..</i>
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: <i>Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị và mua bảo hiểm công trình thuộc công trình: Sửa chữa lớn lưới hạ thế các trạm biến thế thuộc các tuyến dây Nhơn Hòa, Kinh Đô, Tam Bình, Ngô Chí Quốc, Nhị Hiệp, Trường Sơn, Gò Đình, CN Bình Chiểu năm 2026, Mã công trình: TDUD2605004</i>
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: <i>Dọc theo lưới điện hạ thế các trạm biến thế thuộc các tuyến dây Nhơn Hòa, Kinh Đô, Tam Bình, Ngô Chí Quốc, Nhị Hiệp, Trường Sơn, Gò Đình, CN Bình Chiểu</i> và được xác định trong Bản vẽ kèm theo PAKT.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: <i>Trong vòng 90 ngày kể từ ngày có Lệnh khởi công hoặc Thông báo khởi công của Chủ đầu tư [ghi ngày]</i>
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: <i>Trong vòng 90 ngày kể từ ngày có Lệnh khởi công hoặc Thông báo khởi công của Chủ đầu tư.</i>
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: <i>15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, sẽ được ghi cụ thể trong Lệnh khởi công hoặc Thông báo khởi công của Chủ đầu tư.</i>
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: <i>___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].</i>
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: <i>Công ty Điện lực Thủ Đức;</i> - Tư vấn giám sát là: <i>Công ty Điện lực Thủ Đức, 647 Tỉnh lộ 43, Phường Tam Bình, TP. Hồ Chí Minh</i>
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: <i>theo tiến độ thực hiện của công trình</i>

E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: <i>Thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình.</i>
E-ĐKC 5.2	<p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng [ghi giá trị cụ thể căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, từ 2% đến 10% giá hợp đồng].</p> <p>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến <i>khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định, cụ thể dự kiến đến ngày 30/09/2026</i></p> <p>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm, <i>trong vòng 07 ngày</i> trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</p>
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 14 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</i>
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 07 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng [Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT].
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ _____ [ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)].

<p>E-ĐKC 19.1</p>	<p>Yêu cầu về bảo hiểm:</p> <p><i>Nhà thầu chịu trách nhiệm mua bảo hiểm thi công xây dựng công trình (bao gồm cả vật tư thiết bị của Chủ đầu tư: vật tư thiết bị mới, vật tư thiết bị tháo dỡ thu hồi); thời gian bảo hiểm kể từ ngày khởi công công trình đến ngày hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng cộng với 36 tháng bảo hành công trình theo qui định, phạm vi bảo hiểm gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Vật tư thiết bị (bao gồm VTTB do A cấp có tổng giá trị theo dự toán công trình là đồng), B cấp, VTTB tháo dỡ thu hồi) lắp đặt cho công trình; xe máy, phương tiện thi công của nhà thầu phục vụ sử dụng cho việc thi công xây dựng công trình;</i> - <i>Bảo hiểm tai nạn đối với người lao động thi công trên công trường;</i> - <i>Bảo hiểm dân sự cho Bên thứ ba.</i>
<p>E-ĐKC 20.1(a)</p>	<p>Thời gian bảo hành công trình 36 tháng kể từ công trình được nghiệm thu và đưa vào sử dụng</p>
<p>E-ĐKC 21</p>	<p>Thông tin về Công trường là: <i>Đọc theo lưới điện hạ thế các trạm biến thế thuộc các tuyến dây Nhơn Hòa, Kinh Đô, Tam Bình, Ngô Chí Quốc, Nhị Hiệp, Trường Sơn, Gò Đình, CN Bình Chiểu.</i></p>
<p>E-ĐKC 24</p>	<p>Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: <i>Nhà thầu được quyền sử dụng công trường kể từ ngày bàn giao mặt bằng (ngày cụ thể sẽ được các bên thống nhất ghi trong Biên bản bàn giao).</i></p>
<p>E-ĐKC 27.2</p>	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: <i>số ngày tiến hành hòa giải tối đa 28 ngày.</i></p> <p>Giải quyết tranh chấp:</p> <p><i>Khi giải quyết các tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng xây dựng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Các bên phải tuân thủ nguyên tắc và trình tự giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng được quy định tại Khoản 8 Điều 146 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.</i> - <i>Trong thời hạn hai mươi tám (28) ngày kể từ ngày các bên nhận được kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp, nếu một bên không đồng ý kết luận hòa giải của ban xử lý tranh chấp thì có quyền phản đối và các tranh chấp này sẽ được giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án theo quy định của pháp luật; trường hợp quá thời hạn nêu trên không bên nào phản đối kết luận hòa giải thì coi như các</i>

	<p><i>bên đã thống nhất với kết luận hòa giải. Khi đó, các bên phải thực hiện theo kết luận hòa giải.</i></p> <p><i>- Chi phí cho ban xử lý tranh chấp được tính trong giá hợp đồng xây dựng và do mỗi bên hợp đồng chịu một nửa, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.</i></p> <p><i>- Thời hiệu khởi kiện theo thủ tục Trọng tài hoặc thời hiệu khởi kiện lên Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.</i></p>
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<p><i>- Ngày khởi công: theo Mục E-ĐKC 1.18.</i></p> <p><i>- Ngày hoàn thành dự kiến: theo Mục E-ĐKC 1.16.</i></p>
E-ĐKC 29.1	<p><i>Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 ngày từ ngày ký Hợp đồng và Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng cho Nhà thầu.</i></p>
E-ĐKC 29.4	<p><i>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết:</i></p> <p><i>Ngay sau khi Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu nộp Biểu tiến độ thi công chi tiết, trong vòng 05 ngày Nhà thầu phải nộp Biểu tiến độ thi công cụ thể, trường hợp thực tế thi công không theo đúng tiến độ dự kiến hoặc do các trở ngại trong quá trình thi công, dẫn đến tiến độ thi công theo kế hoạch ban đầu không còn phù hợp, trong vòng 05 ngày kể từ ngày thực hiện không còn theo đúng kế hoạch và/hoặc ngày mà trở ngại làm ảnh hưởng đến tiến độ đã được các bên liên quan thống nhất phương án giải quyết, nhà thầu phải cập nhật lại Biểu tiến độ thi công chi tiết, thông qua giám sát A, trình Chủ đầu tư chấp thuận làm cơ sở triển khai thi công phần công việc còn.</i></p> <p><i>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 19.097.056 VND</i></p>
E-ĐKC 30.7	<p><i>Các trường hợp khác: Gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng do</i></p> <p><i>a) Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công, lịch cắt điện theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Hợp đồng.</i></p> <p><i>b) Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng như: ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hoả hoạn, dịch hoạ hoặc các sự kiện bất khả kháng khác;</i></p> <p><i>c) Sự chậm trễ thực hiện hồ sơ thủ tục, chậm trễ bàn giao mặt bằng, trở ngại trên công trường không do lỗi của nhà thầu mà do Chủ</i></p>

	<p><i>đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư hay các nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra, người dân ngăn cản không cho thi công,...</i></p> <p><i>d) Chủ đầu tư chưa cấp đủ VTTB do A cấp theo hợp đồng hoặc chậm phối hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng.</i></p>
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	<p>Vật tư, máy móc, thiết bị:</p> <p><i>Tất cả vật tư, thiết bị (trừ các vật tư phụ, phụ gia có khối lượng nhỏ, vật tư phục vụ thi công) sử dụng trong thi công công trình (bao gồm VTTB do nhà thầu cấp) phải theo đúng tiêu chuẩn sản xuất và thử nghiệm nêu trong hồ sơ thiết kế, tiêu chuẩn Việt Nam và quy cách kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Tổng Công ty Điện lực TP.HCM và các quy định khác có liên quan; có đầy đủ chứng từ xuất xưởng, chứng nhận nguồn gốc xuất xứ, chứng nhận chất lượng, tài liệu kỹ thuật, cam kết bảo hành, hướng dẫn lắp đặt, vận hành, ... của Nhà sản xuất; có đầy đủ biên bản thử nghiệm do đơn vị thử nghiệm độc lập, hợp pháp ban hành.</i></p> <p><i>Đối với các thiết bị đóng cắt, bảo vệ, dây dẫn phải thử nghiệm đạt tiêu chuẩn vận hành trước khi lắp đặt (từ ngày thử nghiệm đến khi đóng điện không quá 6 tháng); các vật liệu cách điện, đà, phụ kiện, mẫu bê tông, ... phải có biên bản thử nghiệm đầy đủ các hạng mục thử bắt buộc theo yêu cầu HSMT, đối với mẫu bê tông thử theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Trường hợp nghi ngờ về chất lượng, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu lấy mẫu (không quá 5% tổng số lượng theo từng mặt hàng cung cấp cho gói thầu) thử nghiệm lại (tại đơn vị thử nghiệm độc lập, hợp pháp) các hạng mục theo yêu cầu HSMT, chi phí thử nghiệm do nhà thầu chịu. Trường hợp kết quả thử nghiệm không đạt, nhà thầu phải thay thế VTTB khác đáp ứng yêu cầu HSMT, thời gian này vẫn tính vào thời gian thực hiện hợp đồng.</i></p>
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: <i>đơn giá cố định.</i>
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: <i>Cố định.</i>
E-ĐKC 42.1	- Tạm ứng:

	<p>a) Sau khi nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng, giấy đề nghị tạm ứng, hợp đồng bảo hiểm (đính kèm các tài liệu liên quan) và bảo lãnh tiền tạm ứng có hiệu lực đến/...../2025, Chủ đầu tư sẽ ứng trước cho Nhà thầu 20% giá trị Hợp đồng (chưa thuế) tương ứng với số tiền làm tròn là đồng, (Bằng chữ: đồng).</p> <p>b) Số tiền tạm ứng này sẽ được Chủ đầu tư thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng như được quy định chi tiết tại Phụ lục Giá hợp đồng.</p> <p>c) Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán. Tỷ lệ giảm trừ sẽ dựa trên tỷ lệ thanh toán.</p> <p>- Thời gian tạm ứng: Trong vòng 20 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đề nghị tạm ứng, bảo đảm tiền tạm ứng và các tài liệu liên quan.</p> <p>- Hoàn trả tiền tạm ứng: + Số tiền tạm ứng này sẽ được Chủ đầu tư thu hồi theo tỷ lệ tương ứng ngay ở lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng. Nhà thầu phải đảm bảo rằng bảo đảm tiền tạm ứng là có giá trị và có hiệu lực cho đến khi kết thúc hoàn toàn việc thu hồi tạm ứng. + Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư.</p> <p>- Gia hạn tạm ứng: Nếu Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 10 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Chủ đầu tư trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực; nếu Nhà thầu không giao nộp đúng hạn thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Nhà thầu chi trả.</p>
<p>E-ĐKC 44.1</p>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <p>1. Điều kiện thanh toán</p> <p>(i) Hình thức thanh toán: chuyển khoản.</p> <p>(ii) Thanh toán giai đoạn:</p> <p>- Chủ đầu tư sẽ xem xét thanh toán cho Nhà thầu theo từng giai đoạn hoàn thành hạng mục công trình, công trình trên cơ sở nghiệm thu khối lượng và chất lượng xây lắp hoàn thành theo giai đoạn được Chủ đầu tư xác nhận.</p>

	<p>- Chủ đầu tư thanh toán đến 95% giá trị mỗi lần thanh toán (giữ lại 5% giá trị mỗi lần thanh toán) trong vòng 14 ngày làm việc sau khi chủ đầu tư nhận được các hồ sơ theo quy định của hợp đồng.</p> <p>(iii) Thanh toán khi công trình hoàn thành:</p> <p>- Chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 95% giá trị khối lượng sau khi nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng (gồm cả phụ lục hợp đồng nếu có) và đã thực hiện nghiệm thu, quyết toán theo đúng quy định và Chủ đầu tư nhận được đầy đủ các hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ quyết toán, Giấy đề nghị thanh toán, Hóa đơn hợp lệ của Nhà thầu, ...</p> <p>- Số tiền còn lại sẽ được thanh toán ngay sau khi có quyết định duyệt quyết toán công trình của cấp có thẩm quyền, theo nguyên tắc:</p> <p>+ Nếu số quyết toán được duyệt lớn hơn số tiền đã thanh toán (không bao gồm 5% tạm giữ) thì được thanh toán đủ theo số quyết toán.</p> <p>+ Nếu số quyết toán được duyệt nhỏ hơn số tiền đã thanh toán (không bao gồm 5% tạm giữ) thì Nhà thầu phải hoàn trả lại cho Chủ đầu tư số tiền thanh toán thừa.</p> <p>+ Nếu số quyết toán được duyệt bằng số tiền đã thanh toán (không bao gồm 5% tạm giữ) thì Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm cho Nhà thầu.</p> <p>- Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các Khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.</p> <p>2. Thời hạn thanh toán: Sau khi nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo qui định của hợp đồng, Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 14 ngày làm việc.</p>
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: <i>được phép áp dụng điều chỉnh thuế;</i></p> <p><i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</i></p>
E-ĐKC 46.1	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%.</p>

<p>E-ĐKC 47.1(d)</p>	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng: <i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Nhà thầu phát hiện có trở ngại về mặt kỹ thuật, có sai sót trong thiết kế hoặc có yêu cầu thay đổi thiết kế cho phù hợp với hiện trường, Nhà thầu phải thông báo ngay cho cán bộ giám sát A để phối hợp với giám sát tác giả (Nhà thầu tư vấn thiết kế) và cán bộ chuyên quản của Chủ đầu tư cùng thống nhất biện pháp giải quyết kịp thời tại công trường. Mọi trường hợp đều phải lập biên bản đề nghị sửa đổi, bổ sung thiết kế và trình chủ đầu tư xem xét chấp thuận theo quy định.</i></p>
<p>E-ĐKC 47.7</p>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 10 % giá trị giảm giá hợp đồng.</p>
<p>E-ĐKC 49.1</p>	<p>Phạt vi phạm hợp đồng: Đối với bên nhận thầu</p> <p>a) Nguyên tắc: <i>Nội dung vi phạm đối với hợp đồng thi công xây dựng được quy định như sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Vi phạm tiến độ thi công theo hợp đồng đã ký (trường hợp chậm tiến độ); chậm tiến độ lập hồ sơ hoàn công, thanh quyết toán.</i> - <i>Vi phạm về chất lượng công trình:</i> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Để xảy ra lỗi không đảm bảo chất lượng trong quá trình thi công nhà thầu không tự kiểm soát mà do chủ đầu tư (hoặc tư vấn chủ đầu tư) phát hiện do hậu kiểm phải làm lại.</i> + <i>Có hiện tượng làm hồ sơ không đúng sự thật bị phát hiện phải làm lại.</i> + <i>Không đảm bảo chất lượng thi công gây sự cố sau khi đưa vào sử dụng.</i> + <i>Nhà thầu không thực hiện đúng theo thiết kế được duyệt hoặc không tuân thủ phương án thi công, phương án thi công hoặc do tự ý thay đổi thiết kế. Không bảo quản tốt vật tư thiết bị do Chủ đầu tư cấp để xảy ra hư hỏng làm giảm chất lượng vật tư thiết bị không thể sử dụng.</i> + <i>Các nội dung sai sót khác gồm: không ghi chép nội dung diễn biến trong sổ nhật ký thi công, không có mặt chỉ huy trưởng, các bộ kỹ thuật thi công trên công trường khi chủ đầu tư kiểm tra.</i>

+ Không cung cấp các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành.

+ Không đảm bảo vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng.

+ Bị người dân, báo đài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chuyên gia của nhà tài trợ vốn phản ánh, nhắc nhở về tình trạng thi công không đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường hoặc không khắc phục triệt để, đúng yêu cầu các phản phản ánh, khiếu nại của người dân, báo đài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chuyên gia của nhà tài trợ;

+ Các vi phạm khác như:

▪ Vật tư thiết bị đưa vào lắp đặt cho công trình không đảm bảo chất lượng, không cử đúng thành phần cán bộ chủ chốt tham gia thi công công trình, không trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thi công không đảm bảo an toàn, chậm trễ lập hồ sơ chuẩn bị thi công, hồ sơ thi công, hồ sơ nghiệm thu, xác nhận khối lượng, hoàn công, quyết toán giữa các đơn vị liên quan, ...

▪ Sử dụng các thiết bị, máy móc thi công, thiết bị đo đạc, thí nghiệm, ... chưa được kiểm định và thiết bị hết hạn sử dụng trước khi đưa vào sử dụng cho công trình;

▪ Nhà thầu trả điện trễ hoặc tăng số lần cắt điện do nguyên nhân chủ quan của nhà thầu;

▪ Nhà thầu chậm trễ trong việc nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm trễ gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng, gia hạn bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm nộp bảo lãnh bảo hành theo quy định;

▪ Nhà thầu chậm trễ thử nghiệm, hiệu chỉnh và vận hành thử khi hoàn thành công trình theo yêu cầu của Chủ đầu tư;

▪ Nhà thầu chậm trễ trong việc nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm trễ gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng, gia hạn bảo lãnh tiền tạm ứng hoặc chậm nộp bảo lãnh bảo hành theo quy định.

	<p>b) Mức phạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị phạt do sai sót về chất lượng thi công = tối đa 12 % x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm (tỷ lệ % tùy theo tính chất vi phạm do Chủ đầu tư tự quyết định). - Giá trị phạt do sai sót về an toàn lao động, vệ sinh môi trường = tỷ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (lần đầu tỷ lệ phạt là 2 %, lần thứ hai trở đi cứ mỗi lần vi phạm sẽ phạt 4 %, tối đa 12 %). - Giá trị phạt do chậm tiến độ được tính = tỷ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (cứ mỗi tuần chậm sẽ phạt 0,5 %, mức phạt tối đa đến 12 % sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng). <p>Tổng giá trị phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng bị vi phạm, mức phạt đạt 12 % có thể xem xét chấm dứt hợp đồng..</p>
<p>E-ĐKC 49.2</p>	<p>Bồi thường thiệt hại: Áp dụng, mức bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế do Nhà thầu gây ra.</p> <p><i>Mức bồi thường = Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng.</i></p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả các hư hỏng, sự cố do bên nhận thầu gây ra như mua sắm lại VTTB, khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng,... do đơn vị thi công sai thiết kế, thi công không đảm bảo an toàn gây sự cố,... (<i>trường hợp bên nhận thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi phí này</i>). - Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng.
<p>E-ĐKC 49.3</p>	<p>Thưởng hợp đồng: không áp dụng.</p>
	<p>E. Kết thúc hợp đồng</p>
<p>E-ĐKC 54</p>	<p>Thời gian bàn giao công trình: <i>Chủ đầu tư tiếp nhận công trình để đưa vào vận hành, sử dụng ngay sau khi công trình được nghiệm thu hoàn thành và có đầy đủ Biên bản nghiệm thu, hồ sơ hoàn công theo đúng quy định.</i></p>

E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: <i>Trước ngày nghiệm thu hoàn thành tối thiểu 05 ngày, nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư tối thiểu 02 bộ bản vẽ hoàn công và hồ sơ hoàn công, nghiệm thu công trình để phục vụ nghiệm thu hoàn thành.</i>
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 05% giá trị hợp đồng tương ứng giá trị đồng , số tiền này sẽ được thanh toán sau khi nhà thầu chuyển cho Bên A giấy Bảo lãnh bảo hành.
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mục này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 13 (Webform trên Hệ thống)

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Hệ thống trích xuất tên Nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*Hệ thống trích xuất tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu ____ [*Hệ thống trích xuất tên, số hiệu gói thầu.*] với giá hợp đồng là _____ [*Hệ thống trích xuất giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [*Hệ thống trích xuất thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [*ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...*];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 15 Phần 3 của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [*ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày__ tháng__ năm__⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

(3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ⁽¹⁾

(Hợp đồng điện tử)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____ [*Chủ đầu tư/đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Gói thầu: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

Thuộc dự án: _____ [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (*Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15)*) [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] và Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư [*Hệ thống trích xuất theo thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu*]

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

- Các căn cứ khác (nếu có). [*Hệ thống để trường ký tự để Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền và nhà thầu tự kê khai*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đối với trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax: _____

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện hợp đồng có sự khác biệt so với E-ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Tài khoản: _____ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đối với trường hợp Chủ đầu tư ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax:

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____ [*Chủ đầu tư kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đơn vị được ủy quyền (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị được ủy quyền: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax:

E-mail: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Tài khoản: _____; [*Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*]

Mã số thuế: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Đại diện là ông/bà: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Chức vụ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*) [*Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin*].

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu: _____ [*Chủ đầu tư kê khai*]

Địa chỉ: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Điện thoại: _____ [*Hệ thống trích xuất*]

Fax:

E-mail: _____ [Hệ thống trích xuất]

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____ [Hệ thống trích xuất]

Đại diện là ông/bà: _____ [Hệ thống trích xuất]

Chức vụ: _____ [Hệ thống trích xuất]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng xây lắp với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng thiết kế.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung chi tiết và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. E-ĐKC của hợp đồng;
5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
6. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;
7. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu;
8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);
9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Nhà thầu cam kết thi công công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

a) Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói:

b) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng.

c) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế);

- Giá trị thuế

- Dự phòng: trong đó nêu rõ giá trị trượt giá tạm tính trên cơ sở dự kiến trượt giá và quy định pháp luật về quản lý chi phí.

d) Giá hợp đồng đối với hợp đồng theo kết quả đầu ra:

2. Phương thức thanh toán: _____ [Hệ thống trích xuất phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 44.1 E-ĐKCT].

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: _____ [Hệ thống trích xuất loại hợp đồng theo E-ĐKCT].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 28 E-ĐKC, E-HSĐT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [Chủ đầu tư/Đơn vị được ủy quyền kê khai thông tin về ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

NHÀ THÀU

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA

CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN

[xác nhận, chữ ký số]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong E-HSMT, E-HSDT và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc.

Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định và chi phí dự phòng.

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(áp dụng cho hợp đồng trọn gói)

STT	Mô tả công việc ⁽²⁾	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽³⁾
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			
Tổng cộng: _____ <i>[Hệ thống tự tính]</i>			

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ
THẦU**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ
ĐẦU TƯ**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(áp dụng cho hợp đồng theo đơn giá)

STT	Mô tả công việc	Yêu cầu kỹ thuật/ Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
<i>I</i>	<i>Hạng mục 1:</i>					
<i>1</i>						
<i>2</i>						
<i>3</i>						
<i>II</i>	<i>Hạng mục 2:</i>					
<i>1</i>						
<i>2</i>						
<i>3</i>						
<i>III</i>	<i>Hạng mục...</i>					
...					
Giá hợp đồng (Kết chuyển sang Điều 5 của Hợp đồng)						

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của _____ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ *[ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng xây lắp cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); ⁽¹⁾

Theo quy định trong E-HSMT (*hoặc hợp đồng*), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại _____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ *[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____.⁽³⁾

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ *[ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số *[ghi số hợp đồng]* ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ÚNG ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*ghi tên Chủ đầu tư*]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

[*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong điều kiện cụ thể của hợp đồng, _____ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu*] (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng _____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [*ghi tên của ngân hàng*] ở _____ [*ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại _____ [*ghi địa chỉ của ngân hàng*⁽²⁾] (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá _____ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 42.1 E-ĐKCT*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan đến hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày _____ tháng _____ năm _____⁽³⁾ hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ điều kiện cụ thể của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 42.1 E-ĐKCT.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày quy định tại Mục 1.17 E-ĐKCT.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [*ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình đối chiếu tài liệu,

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng đối với trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*ghi tên nhà thầu*]. ____ [*ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử

dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.